TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 55/2025/HS-ST
Ngày: 22/9/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa***:** Bà Hứa Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân***:** Ông Nguyễn Đăng Bôi và bà Đỗ Thị Kim Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy -Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội: Bà Nguyễn Hoàng Phương - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại điểm cầu Trung tâm: Phòng xét xử số 02 - Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội; địa chỉ: Đường Vũ Lăng, xã Thanh Trì, Hà Nội và điểm cầu thành phần: Phòng xét xử trực tuyến - Cơ sở giam giữ Trại tạm giam số 01 – C ông an thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Xã An Hưng, thành phố Hải Phòng. Xét xử sơ thẩm c ông khai theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số34/2025/TLST-HS ngày 25/8/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-HS ngày 03/9/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hoàng Đức C, sinh năm 1999; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không; ĐKTT: Thôn P, xã A, Thành phố Hải Phòng. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 4/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị B. Vợ con: Không có; Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 29/8/2025 Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hải Phòng xử phạt 05 năm tù về tội "Cướp giật tài sản " .

* *Bị hại*: Anh Phan Tiến Đ, sinh năm 2003. Thường trú và nơi ở: Thôn V, xã C, Thành phố Hà Nội. (có mặt)

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Anh Bùi Duy T1, sinh năm 1995. Thường trú và nơi ở: Thôn N, xa A, Thành phố Hà Nội. Anh Nguyễn Quý N, sinh năm 1986. Thường

trú và nơi ở: Thôn Đ, xã A, Thành phố Hà Nội. Anh Trần Quang N1, sinh năm 1987. Thường trú và nơi ở: Thôn L, xã A, Thành phố Hà Nội. (đều vắng mặt).

* *Người làm chứng*: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1972. Thường trú và nơi ở: Thôn 3, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. (có mặt). Anh Nguyễn Văn N2, sinh năm 1991. Thường trú và nơi ở: Thôn Tuy Lộc, xã H, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Đức C và Phan Tiến Đ cùng là c ông nhân của xưởng cơ khí V có địa chỉ tại thôn H1, xã T, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội (nay là thôn H1, xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội). Khoảng 08 giờ ngày 18/11/2024, anh Đ để 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu xám xi măng đeo BKS: 29AD-039.18 tại khu vực gửi xe của nhân viên c ông ty Cơ khí V, rồi cất chìa khóa xe tại bàn uống nước trong xưởng cơ khí và đi làm việc. Khoảng 09 giờ 44 phút cùng ngày, lợi dụng lúc anh Đ không để ý, Hoàng Đức C đi đến bàn uống nước, cầm lấy chìa khóa xe máy của anh Đ rồi đi ra khu vực để xe mở khóa và điều khiển xe máy Honda Vision của Đ đi khỏiC ty, anh Nguyễn Văn N2 nhìn thấy. Tuy nhiên anh N2 nghĩ C mượn xe của Đ đi đâu đó nên không ý kiến gì. 10 giờ ngày 18/11/2024, anh Đ đi ra khu vực để xe thì phát hiện mất xe. Sau khi nhờ kiểm tra camera tạiC ty, anh Đ thấy hình ảnhC điều khiển xe ra khỏi c ông ty vào khoảng 09 giờ 44 cùng ngày nên báo cáo lãnh đạo c ông ty, anh Đ và mọi người gọi điện nhiều lần vào số điện thoại 0386631418 củaC (*trùng với số điện thoại liên hệ trong Hợp đồng giới thiệu việc làm do C ký kết với tập đoàn cung ứng lao động Việt Nam ngày 25/10/2024)* nhưng*C* không trả lời, sau đó tắt máy. Sau khi chiếm đoạt được tài sản của anh Đ,C điều khiển xe đến nhà anh Trần Quang N1 địa chỉ: thôn L, xã A, Hà Nội, sau đó cùng Quang N1 đến nhà của Nguyễn Quý N tại thôn Đ, xã A, thành phố Hà Nội. Tại đây,C hỏi vay anh Quang N1 số tiền 6.000.000 đồng nhưng anh Quang N1 không đồng ý thìC nói "anh yên tâm em vay xong tối trả luôn, em để lại xe máy của mình lại đây. Trả tiền xong em lấy đi lại". Do tin tưởng, anh Nguyễn Quang N1 hỏi vay của Quý N 6.000.0000 đồng để đưa choC. Đến tối Quang N1 gọi C để đòi tiền nhưng không liên lạc được. Vì vậy Quang N1 để nhờ xe củaC tại nhà Quý N, đến khoảng tháng 12 thì mang gửi ở nhà Bùi Duy T1 địa chỉ thôn N, xã A, thành phố Hà Nội nhờ giữ hộ xe. Đầu tháng 12/2024,C điện thoại và cho Đ số điện thoại của Nguyễn Quý N để lấy lại chiếc xe máy. Ngày 14/12/2024, Đ liên hệ thỏa thuận với Nguyễn Quý N để lấy chiếc xe máy và trả số tiền 6.000.000 đồng

thayC. Nguyễn Quý N đồng ý và nhờ Bùi Duy T1 mang xe trả cho anh Đ. Anh Đ chuyển số tiền 6.000.000 đồng vào số tài khoản của Bùi Duy T1 và nhận lại được chiếc xe.

Quá trình rà soát tại hiện trường, Cơ quan Điều tra thu giữ được 01 tệp video ghi lại được hình ảnhC trộm cắp xe máy, đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với tệp video này. Tại Bản kết luận giám định của Viện Khoa học hình sự BộC an kết luận: "*Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong tệp video gửi giám định".*

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 181 ngày 16/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện Thanh Trì kết luận: *"01 xe máy nhãn hiệu Honda Vision biển số 29AD-039.18 đã qua sử dụng trị giá 39.306.200 đồng".*

Về vật chứng: 01 xe máy Honda Vision, màu Xám Đen, BKS: 29AD-039.xx; SK:RLHJK0357RY079xxx; SM:JK03E3395xxx qua giám định là số nguyên thủy, tra cứu không nằm trong dữ liệu xe vật chứng. Quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Phan Tiến Đ. Ngày 17/01/2025, Cơ quan CSĐT đã ra quyết định trao trả chiếc xe trên cho anh Phan Tiến Đ. Nguyễn Quang N1, Trần Quý N không có yêu cầu đề nghị gì.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Phan Tiến Đ yêu cầu bị cáoC bồi thường tổng số tiền 6.000.000 đồng (số tiền anh Đ đã chuyển khoản cho Quý N để lấy xe về) Nguyễn Quang N1, Trần Quý N không có yêu cầu, đề nghị gì.

Tại Cơ quan Điều tra, Phan Tiến Đ Phùng Văn N2, Nguyễn Quý N, Trần Quang N1 khai nhận sự việc như trên. Quá trình điều tra, truy tố Hoàng Đức C không thừa nhận hành vi phạm tội. C khai đã mượn xe của anh Đ và được anh Đ đồng ý, C hỏi Nhân vị trí để chìa khóa xe máy của Đ sau đó mới điều khiển xe đến nhà Trần Quang N1 chơi vay tiền để tiêu dùng cá nhân và gửi nhờ xe ở lại. Lời khai của C mâu thuẫn với lời khai của bị hại, người chứng kiến, người liên quan, các tài liệu chứng cứ do CQĐT thu thập và với chính các lời khai của C tại CQĐT.

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKSTT ngày 22 tháng 8 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội đã truy tố Hoàng Đức C về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo C khai nhận toàn bộ về hành vi "Trộm cắp tài sản", bị cáo tự ý lấy chìa khóa xe để ở bàn uống nước, sau đó ra lấy xe của anh Đ chứ không hỏi mượn anh Đ. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tình tiết khác có liên quan như nội dung vụ án đã nêu và còn khai: Bị cáo làm lao động tự do, có thời gian làm thuê cho các C ty cơ khí, có thời gian làm sơn bả tường, thu nhập không ổn định, lúc có việc, lúc không. Bị cáo không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, không thuộc gia đình chính sách nên không được hưởng trợ cấp gì của Nhà nước.

Nhà bị cáo ở là nhà của cha mẹ đẻ bị cáo (cha mẹ bị cáo đang sống ly thân nhau, bị cáo ở cùng cha đẻ là ông Hoàng Văn T), bị cáo không còn tài sản riêng gì có giá trị, không có nguồn thu nhập nào khác. Bị cáo nhận trách nhiệm bồi thường chị anh Đ đủ số tiền 6.000.000 đồng theo yêu cầu của anh. Khi nào bị cáo chấp hành án xong, được về với gia đình, xã hội, bị cáo đi lao động để có thu nhập, sẽ bồi thường anh Đ đủ số tiền nêu trên.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội, trình bày nội dung luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề xuất với Hội đồng xét xử về mức hình phạt, xử lý vật chứng và các vấn đề khác trong vụ án như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo: Hoàng Đức C từ 20-24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Về hình phạt bổ sung, khấu trừ thu nhập:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 171, khoản 5 Điều 323, khoản 3 Điều 38 Bộ luật Hình sự: Bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, khấu trừ thu nhập. Xác định, bị cáo C không có thu nhập ổn định, không có nguồn thu nào khác. Nên đề nghị xem xét, để không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015: Cần buộc bị cáo phải bồi thường bị hại tổng số tiền 6.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe máy Honda Vision, màu Xám Đen, BKS: 29AD-039.18; SK:RLHJK0357RY079512; SM:JK03E3395453 anh Phan Văn Đ đã nhận lại tài sản nên không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo C phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Tranh luận tại phiên toà, bị cáo thừa nhận cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, có thá i độ ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi và tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều traC an thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.1] Đối với bị hại anh Đ có yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 6.000.000 đồng (tiền anh Đ đã chuyển khoản để nhận lại chiếc xe máy); những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng làm chứng anh Quý N, Quang N1, anh T1, anh N2 đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, những người này đều đã có lời khai đầy đủ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; xác định, sự vắng mặt đó không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ như đề nghị của bị cáo, Kiểm sát viên tại phiên tòa theo quy định tại các điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về tội danh, điều luật áp dụng:

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, bị cáo khẳng định bị cáo không mượn xe của anh Đ, bị cáo đã tự ý lấy xe của anh Đ. Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường; kết luận định giá tài sản; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 09 giờ 44 ngày 18/11/2024 tại xưởng cơ khí V địa chỉ thôn H1, T, Thanh Trì, Hà Nội (nay là thôn H1, xã Đại Thanh, Hà Nội) lợi dụng việc anh Phan Tiến Đ có sơ hở trong quản lý tài sản, Hoàng Đức C đã có hành vi lén lút lấy chìa khóa xe máy của anh Đ đặt trên bàn uống nước rồi mở khóa, chiếm đoạt 01 xe máy Honda Vision, màu Xám Đen, BKS: 29AD-039.18 trị giá 39.306.200 đồng. Hiện tài sản đã được thu hồi trả cho bị hại. Anh Đ đã nhận lại tài sản và yêu cầu C bồi thường số tiền 6.000.000 đồng. Nên bị Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội truy tố về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[4] Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, ngày 29/8/2025 bị cáo Hoàng Đức C bị Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hải Phòng xét xử về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự; Trong khoảng thời gian hơn 02 tháng, bị cáo liên tiếp thực hiện 02 lần hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, trong khoảng thời gian ở miền Nam, bị cáo còn sử dụng ma túy đến mức phải tự đi cai nghiện ma túy. Thể hiện bị cáo không có ý thức chấp hành pháp luật, không chịu tu dưỡng bản thân. Do đó, xác định bị cáo có nhân thân xấu.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5] Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo chối tội không thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Về hình phạt:

[6] Về hình phạt chính: Từ những phân tích về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội, về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đánh giá hành vi phạm tội "Trộm cắp tài sản" của bị cáo C lần này là phạm tội lần đầu, bị cáo phạm tội do cố ý. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo ngại trong nhân dân. Xác định loại hình phạt: Hội đồng xét xử nhận thấy, cần tiếp tục bắt bị cáo C phải cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171; khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, do bị cáo C thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, không có nguồn thu nào khác. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung, không phạt tiền đối với bị cáo là có căn cứ, được chấp nhận; nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung, không phạt tiền đối với bị cáo C.

- Về trách nhiệm dân sự, bồi thường:

[8] Bị hại anh Đ yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 6.000.000 đồng (do anh Đ đã chuyển khoản để nhận xe), bị cáo chưa bồi thường. Tại phiên tòa, bị cáo nhận trách nhiệm bồi thường cho anh Đ đủ số tiền nêu trên. Khi nào bị cáo chấp hành án xong, được về với gia đình, xã hội. Bị cáo đi lao động để có thu nhập, sẽ bồi thường anh Đ Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo. Theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật

Hình sự năm 2015; các điều 584, 585, 586, 588, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo phải bồi thường anh Đ số tiền 6.000.000 đồng. Đối với 01 xe máy Honda Vision, màu Xám Đen, BKS: 29AD-039.18. Anh Đ đã nhận lại tài sản nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáoC phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, tính trên tổng số tiền bị cáo phải bồi thường bị hại 6.000.000 đồng.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Hoàng Đức C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo: Hoàng Đức C 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các điều 584, 585, 586, 588, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Hoàng Đức C phải bồi thường bị hại anh Phan Tiến Đ số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng)

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo C phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7[a] và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 11 – Hà Nội;
- VSKND TP Hà Nội;
- Công an Thành phố Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 11 – Hà Nội;
- Bị cáo, Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hứa Thị Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Đăng Bôi – Đỗ Thị Kim Vân

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hứa Thị Hà